

Tổng hợp kiến thức về Câu bị động với động từ chỉ ý kiến

Câu bị động với động từ chỉ ý kiến là một dạng ngữ pháp quan trọng, thường được sử dụng trong văn viết trang trọng, đặc biệt là trong báo chí, để đưa tin một cách khách quan, không nêu rõ người phát ngôn.

1. Giới thiệu chung

Trong tiếng Anh, khi muốn diễn đạt ý kiến, niềm tin, lời đồn đại của người khác một cách gián tiếp và khách quan, chúng ta thường sử dụng cấu trúc bị động với các động từ chỉ ý kiến (reporting verbs).

Các động từ chỉ ý kiến thường gặp

Các động từ thường được sử dụng trong cấu trúc này bao gồm:

- say (nói rằng)
- think (nghĩ rằng)
- believe (tin rằng)
- report (tường thuật rằng)
- know (biết rằng)
- expect (mong đợi rằng)
- consider (cho rằng)

- understand (hiểu rằng)
- allege (cho là, cáo buộc)
- claim (tuyên bố)
- rumour (đồn rằng)

Có hai cấu trúc chính để chuyển các câu chủ động chứa động từ này sang câu bị động.

2. Cấu trúc 1: It + be + V3/ed + that + clause

Đây là cấu trúc bị động mang tính hình thức, sử dụng chủ ngữ giả "It". Cấu trúc này nhấn mạnh vào thông tin được tường thuật hơn là chủ thể của thông tin đó.

Công thức:

It + is/was/has been + V3/ed + that + S + V ...

Giải thích:

- **It:** là chủ ngữ giả.
- **be + V3/ed:** Động từ chỉ ý kiến được chia ở dạng bị động. Thì của động từ "be" phụ thuộc vào thì của động từ chỉ ý kiến ở câu chủ động.
- **that + S + V ...:** Mệnh đề phụ chứa thông tin được tường thuật được giữ nguyên.

Ví dụ minh họa:

1. **Câu chủ động:** People say that he is a very talented artist.

(Mọi người nói rằng anh ấy là một nghệ sĩ rất tài năng.)

→ **Câu bị động:** It is said that he is a very talented artist.

(Người ta nói rằng anh ấy là một nghệ sĩ rất tài năng.)

2. **Câu chủ động:** They reported that the storm had caused serious damage.

(Họ đã báo cáo rằng cơn bão đã gây ra thiệt hại nghiêm trọng.)

→ **Câu bị động:** It was reported that the storm had caused serious damage.

(Có báo cáo rằng cơn bão đã gây ra thiệt hại nghiêm trọng.)

3. **Câu chủ động:** Everyone believed that the team would win the championship.

(Mọi người đã tin rằng đội sẽ giành chức vô địch.)

→ **Câu bị động:** It was believed that the team would win the championship.

(Người ta đã tin rằng đội sẽ giành chức vô địch.)

3. Cấu trúc 2: S + be + V3/ed + to-infinitive

Cấu trúc này đưa chủ ngữ của mệnh đề phụ lên làm chủ ngữ chính của câu bị động. Cấu trúc này mang tính cá nhân hơn và tập trung vào đối tượng được nói đến.

Công thức chung:

S (của mệnh đề phụ) + be + V3/ed + to V-inf / to have V3/ed

Việc sử dụng "to V-inf" (động từ nguyên mẫu có to) hay "to have V3/ed" (nguyên mẫu hoàn thành) phụ thuộc vào mối quan hệ về thời gian giữa động từ chỉ ý kiến và động từ trong mệnh đề phụ.

Trường hợp 1: Dùng Động từ nguyên mẫu có to (to V-inf)

Chúng ta sử dụng "to V-inf" khi hành động trong mệnh đề phụ xảy ra **cùng lúc** hoặc **sau** hành động của động từ chỉ ý kiến.

Công thức:

S + is/are/am/was/were + V3/ed + to V-inf

Ví dụ minh họa:

1. **Câu chủ động:** People believe that she works very hard.

(Hành động "believe" và "works" đều ở hiện tại đơn → cùng thì)

→ **Câu bị động:** She is believed to work very hard.

(Cô ấy được tin là làm việc rất chăm chỉ.)

2. **Câu chủ động:** They thought that he was a reliable person.

(Hành động "thought" và "was" đều ở quá khứ đơn → cùng thì)

→ **Câu bị động:** He was thought to be a reliable person.

(Anh ấy được cho là một người đáng tin cậy.)

3. **Câu chủ động:** People expect that the new policy will improve the economy.

(Hành động "will improve" xảy ra sau hành động "expect" → dùng to V-inf)

→ **Câu bị động:** The new policy is expected to improve the economy.

(Chính sách mới được kỳ vọng sẽ cải thiện nền kinh tế.)

Trường hợp 2: Dùng Động từ nguyên mẫu hoàn thành (to have V3/ed)

Chúng ta sử dụng "to have V3/ed" khi hành động trong mệnh đề phụ xảy ra **trước** hành động của động từ chỉ ý kiến.

Công thức:

S + is/are/am/was/were + V3/ed + to have V3/ed

Ví dụ minh họa:

1. **Câu chủ động:** People say that he stole the valuable painting.

(Hành động "say" ở hiện tại, nhưng hành động "stole" đã xảy ra ở quá khứ → xảy ra trước)

→ **Câu bị động:** He is said to have stolen the valuable painting.

(Anh ta được cho là đã đánh cắp bức tranh giá trị.)

2. **Câu chủ động:** The police reported that the suspects had left the city.

(Hành động "reported" ở quá khứ, nhưng hành động "had left" xảy ra ở quá khứ hoàn thành → xảy ra trước)

→ **Câu bị động:** The suspects were reported to have left the city.

(Các nghi phạm được báo cáo là đã rời khỏi thành phố.)

3. **Câu chủ động:** They believed that she had told a lie.

(Hành động "believed" ở quá khứ, hành động "had told" ở quá khứ hoàn thành → xảy ra trước)

→ **Câu bị động:** She was believed to have told a lie.

(Cô ấy bị cho là đã nói dối.)

4. Bảng tổng hợp và so sánh

Loại cấu trúc	Công thức	Ví dụ
Cấu trúc 1 (Chủ ngữ giả 'It')	It + be + V3/ed + that + S + V...	It is known that smoking is harmful.
Cấu trúc 2 (Chủ ngữ thật)	S + be + V3/ed + to V-inf (Hành động cùng thì/xảy ra sau)	She is considered to be the best student.
	S + be + V3/ed + to have V3/ed (Hành động xảy ra trước)	The driver is thought to have caused the accident.

5. Bài tập vận dụng

Viết lại các câu sau sử dụng cấu trúc bị động với động từ chỉ ý kiến.

1. People say that this company is the best in the market.

2. They believed that the old house was haunted.
3. The newspaper reported that the fugitive was arrested yesterday.
4. We expect that the government will lower taxes soon.
5. Everyone knows that he was a great musician.

Đáp án gợi ý:

1. → It is said that this company is the best in the market.
→ This company is said to be the best in the market.
2. → It was believed that the old house was haunted.
→ The old house was believed to be haunted.
3. → It was reported that the fugitive was arrested yesterday.
→ The fugitive was reported to have been arrested yesterday.
4. → It is expected that the government will lower taxes soon.
→ The government is expected to lower taxes soon.
5. → It is known that he was a great musician.
→ He is known to have been a great musician.